

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 – 57



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, đã đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 29 tháng 12 năm 2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600662561 được sửa đổi lần thứ 14 ngày 29 tháng 12 năm 2016, Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống nhựa ống nhựa, phụ kiện PPR, PVC, HDPE và các sản phẩm bao bì HDPE.

Trụ sở chính: Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là: 300.056.240.000 đồng (Ba trăm tỷ không trăm năm mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600662561 được sửa đổi lần thứ 14 ngày 29 tháng 12 năm 2016, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất ống nhựa, phụ kiện và các sản phẩm nhựa;
- Sản xuất diêm quẹt;
- Sản xuất sản phẩm may mặc xuất khẩu;
- Sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ mới;
- Xây dựng nhà lắp ghép, xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Bán buôn vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất của doanh nghiệp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình nước, cấp thoát nước;
- San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa; Dịch vụ du lịch; Đại lý bưu điện.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 08/04/2017
Ông Trần Hữu Chuyên	Phó chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/04/2017
Ông Ngô Đức Vũ	Phó chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 31/07/2017
Ông Trần Anh Vương	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/04/2017
Ông Phạm Huy Cương	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/04/2017
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/04/2017
Bà Phan Thị Thu Thảo	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/04/2017
Ông Mai Thế Khôi	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/04/2017

Ban kiểm soát

Bà Trần Minh Trang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 08/04/2017
Ông Mai Hữu Đạt	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 08/04/2017
Ông Phùng Quang Việt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/04/2017
Ông Trịnh Kiên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/04/2017
Bà Lương Thị Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/04/2017
Bà Bùi Thị Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/04/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Đức Vũ

Tổng Giám đốc

Miễn nhiệm ngày 31/07/2017

Ông Nguyễn Văn Hiếu

Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 31/07/2017

Ông Trần Hữu Chuyên

Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Đình Độ

Chủ tịch HĐQT

Ông Vũ Đình Độ đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn Hiếu ký Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 theo Quyết định số 46A/2017/QĐ-DNP ngày 31 tháng 7 năm 2017.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 và tình hình tài chính hợp nhất vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hiếu
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 08 năm 2017

11/08/2017

Số: 178/2017/BCSXHN-PB.00020

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 08 năm 2017, từ trang 05 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



[Handwritten signature in blue ink]

Lê Viết Cường
Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2016-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
– CHI NHÁNH PHÍA BẮC
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.060.779.194.950	898.455.742.195
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	182.084.952.822	154.838.423.715
1. Tiền	111		173.051.619.488	132.642.385.258
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.033.333.334	22.196.038.457
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.02	20.221.000.000	19.622.200.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.399.000.000	1.399.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(220.400.000)	(231.800.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		19.042.400.000	18.455.000.000
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		543.193.382.808	385.259.763.468
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.03	342.681.872.123	317.193.910.698
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.04	46.647.169.468	51.460.311.880
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.05	18.847.314.606	32.297.314.606
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.06	180.498.278.446	20.804.231.195
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.07	(45.481.251.835)	(36.496.004.911)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.08	286.860.485.022	305.354.892.565
1. Hàng tồn kho	141		293.233.800.127	307.736.710.475
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.373.315.105)	(2.381.817.910)
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		28.419.374.298	33.380.462.447
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.13	8.937.222.013	3.055.449.626
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.986.845.005	25.331.229.140
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.17	1.495.307.280	4.993.783.681
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.822.884.656.580	1.620.012.661.415
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		17.179.822.160	14.258.104.132
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.06	17.179.822.160	14.258.104.132
II/ Tài sản cố định	220		1.247.656.855.971	1.197.703.915.179
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.09	1.081.619.699.932	1.072.644.347.477
- Nguyên giá	222		1.601.339.864.801	1.578.816.468.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(519.720.164.869)	(506.172.120.746)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	138.347.003.299	95.059.647.472
- Nguyên giá	225		190.120.621.758	139.384.177.507
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(51.773.618.459)	(44.324.530.035)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	27.690.152.740	29.999.920.230
- Nguyên giá	228		32.290.345.218	34.276.845.218
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.600.192.478)	(4.276.924.988)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		51.883.967.730	67.581.174.237
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	51.883.967.730	67.581.174.237
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.02	334.480.223.736	144.246.752.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		221.440.533.736	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		113.039.690.000	141.246.752.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	3.000.000.000
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		171.683.786.983	196.222.715.867
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	14.664.714.546	9.306.394.682
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.21	-	326.675.799
3. Lợi thế thương mại	269	5.14	157.019.072.437	186.589.645.386
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.883.663.851.530	2.518.468.403.610

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		2.203.963.319.374	1.963.758.746.032
I/ Nợ ngắn hạn	310		1.005.774.439.141	874.784.665.857
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	70.542.785.575	69.522.175.440
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	7.483.890.791	7.912.260.634
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	10.110.369.282	6.912.817.991
4. Phải trả người lao động	314		11.537.902.572	19.668.827.679
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	8.117.093.621	6.543.956.407
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	127.919.650.077	9.200.297.706
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	768.004.059.242	751.879.335.041
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.058.687.981	3.144.994.959
II/ Nợ dài hạn	330		1.198.188.880.233	1.088.974.080.175
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	316.638.910.279	316.668.910.279
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	853.656.925.344	743.502.770.578
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.21	27.893.044.610	28.802.399.318
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		679.700.532.156	554.709.657.578
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.22	679.700.532.156	554.709.657.578
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.056.240.000	300.056.240.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.056.240.000	300.056.240.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.155.000.000	29.155.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.757.228.445	15.794.216.721
4. Cổ phiếu quỹ	415		(342.000)	(342.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		726.040.131	2.746.814.635
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		185.196.374.555	86.136.965.208
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		99.972.388.206	4.536.730.384
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		85.223.986.349	81.600.234.824
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		151.809.991.025	120.820.763.014
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.883.663.851.530	2.518.468.403.610



Nguyễn Văn Hiếu
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 29 tháng 08 năm 2017

Hoàng Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng năm 2017 VND	6 tháng năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	677.333.205.745	693.015.717.881
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.02	1.168.009.522	1.247.137.112
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		676.165.196.223	691.768.580.769
4. Giá vốn hàng bán	11	6.03	551.766.893.582	537.157.160.467
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		124.398.302.641	154.611.420.302
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.04	100.398.036.137	3.872.467.037
7. Chi phí tài chính	22	6.05	56.584.139.547	24.124.480.191
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		54.081.283.309	22.423.825.104
8. Lợi nhuận (lỗ) từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	24		116.546.903	(1.863.692.031)
9. Chi phí bán hàng	25	6.06	28.813.142.666	21.453.703.208
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.07	69.508.346.520	53.355.772.172
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		70.007.256.948	57.686.239.737
12. Thu nhập khác	31	6.08	1.962.489.865	8.533.999.263
13. Chi phí khác	32	6.09	710.430.462	864.485.538
14. Lợi nhuận khác	40		1.252.059.403	7.669.513.725
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		71.259.316.351	65.355.753.462
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	12.337.967.334	13.466.376.488
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	(582.678.909)	(1.662.998.068)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		59.504.027.926	53.552.375.042
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		59.698.159.346	44.235.973.201
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(194.131.420)	9.316.401.841
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.12	1.990	3.275
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.13	1.592	2.339



Nguyễn Văn Hiếu
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 29 tháng 08 năm 2017


Hoàng Anh Tuấn
Kế toán trưởng


Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng năm 2017 VND	6 tháng năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	71.259.316.351	65.355.753.462
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	73.793.634.462	33.418.785.314
- Các khoản dự phòng	03	12.965.344.119	10.395.651.924
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	412.090.052	1.255.610
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(98.806.250.904)	(5.679.843.247)
- Chi phí lãi vay	06	54.081.283.309	22.444.730.821
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	113.705.417.389	125.936.333.884
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.460.473.563)	(14.592.382.569)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	12.903.067.912	(75.053.005.553)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(10.673.571.977)	(53.744.406.937)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(11.447.603.089)	(3.616.824.314)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	5.651.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	14	(54.986.152.469)	(22.354.549.278)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(4.352.980.219)	(7.803.020.702)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(353.140.541)	(2.547.909.375)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	43.334.563.443	(48.124.764.844)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(148.926.594.243)	(47.213.128.608)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	43.266.104.600	11.994.519.800
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(43.537.400.000)	(38.246.001.945)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	59.400.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(91.258.107.598)	(94.375.261.352)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	(1.341.680.988)	3.480.829.150
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.860.251.693	403.650.400
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(180.537.426.536)	(163.955.392.555)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	106.075.200.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.007.169.037.512	863.372.844.598
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(918.420.911.171)	(689.748.765.446)
4. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(27.487.416.601)	(10.958.063.125)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.861.662.800)	(2.229.059.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	164.474.246.940	160.436.956.627
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	27.271.383.847	(51.643.200.772)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	154.838.423.715	117.919.781.424
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(24.854.740)	(1.255.610)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	182.084.952.822	66.275.325.042



Nguyễn Văn Hiếu
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 29 tháng 08 năm 2017

Hoàng Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, đã đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 29 tháng 12 năm 2016.

Trụ sở chính: Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là: 300.056.240.000 đồng (Ba trăm tỷ không trăm năm mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống nhựa, phụ kiện PPR, PVC, HDPE và các sản phẩm bao bì HDPE.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600662561 được sửa đổi lần thứ 14 ngày 29 tháng 12 năm 2016, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất ống nhựa, phụ kiện và các sản phẩm nhựa;
- Sản xuất diêm quẹt;
- Sản xuất sản phẩm may mặc xuất khẩu;
- Sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ mới;
- Xây dựng nhà lắp ghép, xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Bán buôn vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất của doanh nghiệp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình nước, cấp thoát nước;
- San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa;
- Dịch vụ du lịch; Đại lý bưu điện./.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Trong 06 tháng đầu năm 2017, Công ty đã thực hiện cấu trúc lại cơ cấu Tập đoàn trong đó thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP (DNP Water) theo Nghị quyết HĐQT số 04/2017/NQ-HĐQT ngày 21/04/2017 đồng thời chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm và 3.990.000 cổ phần tương ứng 49% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bình Hiệp cho Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện chuyển nhượng cho các đối tượng khác toàn bộ 1.671.645 cổ phần còn lại tại Công ty Cổ phần Bình Hiệp.

Ngoài hoạt động nêu trên, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

1.6 Cấu trúc Công ty**Các chi nhánh**

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hạch toán kế toán</i>
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Đồng Nai tại Hà Nội	Tầng 10 – Toàn nhà HTP – 434 Trần Khát Chân – Hai Bà Trưng – Hà Nội	Hạch toán phụ thuộc

Các Công ty con

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích tại 30/06/17</i>
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung	Lô 06 – KCN Điện Nam – Điện Ngọc – Huyện Điện Bàn – Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất và kinh doanh ống nước	99,33%	99,33%
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	314 Lũy Bán Bích, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất & kinh doanh nhựa công nghiệp	72,65%	72,65%
Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm (*)	Áp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	52,68%	41,47%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Long An	Áp 7 - Xã Nhị Thành – Huyện Thủ Thừa – Tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	65%	65%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Tiền Giang	Số 1 – Đường Ngô Quyền – Tp Mỹ Tho – Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	70%	70%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Bắc Giang	Tầng 4 – Tòa nhà Vietel – Lô 4A Hoàng Văn Thụ - P. Xương Giang - Tp. Bắc Giang – Tỉnh Bắc Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	51%	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Tầng 4 – Tòa nhà Vietel – Lô 4A Hoàng Văn Thụ - P. Xương Giang - Tp. Bắc Giang – Tỉnh Bắc Giang	Đầu tư vào các Công ty nước sạch	78,95%	78,73%

(*) Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai đã chuyển nhượng toàn bộ 2.050.323 cổ phiếu (mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu) tương ứng tỷ lệ 52,68% vốn điều lệ của Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm cho Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP ngày 19/05/2017. Tại ngày 30/06/2017, Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm là công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích tại 30/06/17
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào (*)	Đường số 9, bản Huội San, huyện Xê Pôn, tỉnh Savannakhet, Lào	Sản xuất và kinh doanh nhựa phế liệu	43,42%	31,54%
Công ty Cổ phần Bình Hiệp (**)	A6 – A7 KDC Kênh Bàu – Thành phố Phan Thiết – Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	49,88%	39,26%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (***)	250 Hùng Vương, P.4, TP.Tân An, Tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	24,82%	19,54%

(*) Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào là Công ty liên kết của Công ty CP Nhựa Tân Phú – Công ty con của Công ty CP Nhựa Đồng Nai. Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào đã ngừng hoạt động từ 31/12/2016.

(**) Công ty CP Nhựa Đồng Nai đã chuyển nhượng 3.990.000 cổ phần cho Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP ngày 22/05/2017 tương ứng 49,88% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bình Hiệp và chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần còn lại cho các đối tượng khác ngày 26/06/2017 và ngày 28/06/2017. Tại 30/06/2017, Công ty CP Bình Hiệp là Công ty liên kết của Công ty con – Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP.

(**) Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP đã thực hiện mua 3.027.440 cổ phiếu của Công ty CP Cấp thoát nước Long An trong tháng 6/2017.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

Công ty thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập đến ngày 30/06/2017.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo phương pháp giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

4.10 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 07

4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất giao không thời hạn không thực hiện trích khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.14 Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chi phí phát hành trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu là các khoản vốn góp của chủ sở hữu tại các công ty tăng từ các nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần và các nguồn quỹ khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.17 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.18 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

4.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

- Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15% trong thời hạn 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2006 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tại Long An được miễn thuế 2 năm (năm 2012, 2013) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo (năm 2014 đến năm 2017), nhưng Chi nhánh chỉ được hưởng ưu đãi nêu trên cho thời gian ưu đãi còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015 theo Công văn số 2579/CT_TTHT ngày 21/12/2015 của Cục thuế tỉnh Long An về việc ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp.
- Công ty Cổ phần Bình Hiệp được hưởng ưu đãi thuế suất 10% cho toàn bộ thời gian hoạt động.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;
- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế

4.20 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.21 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	1.564.261.022	6.393.876.546
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	171.487.358.466	126.075.999.888
<i>Tiền gửi VND</i>	<i>162.460.597.623</i>	<i>119.655.809.194</i>
<i>Tiền gửi ngoại tệ</i>	<i>9.026.760.843</i>	<i>6.420.190.694</i>
Tiền đang chuyển	-	172.508.824
Các khoản tương đương tiền	9.033.333.334	22.196.038.457
Cộng	<u>182.084.952.822</u>	<u>154.838.423.715</u>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng.

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	397.372,38	9.017.668.254
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - EUR	353,22	9.092.589
Cộng		<u>9.026.760.843</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5.2.1 Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá hợp lý VND
Cổ phiếu	1.399.000.000	(220.400.000)	1.399.000.000	1.167.200.000
Công ty CP Viwaseen 12	1.000.000.000		1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Nhựa Việt Nam	399.000.000	(220.400.000)	399.000.000	167.200.000
Cộng	1.399.000.000	(220.400.000)	1.399.000.000	1.167.200.000

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	6 tháng năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tại ngày đầu năm		
Trích lập dự phòng bổ sung	(231.800.000)	(200.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	11.400.000	(31.800.000)
Tại ngày cuối kỳ	(220.400.000)	(231.800.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	19.042.400.000	19.042.400.000	18.455.000.000	18.455.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	19.042.400.000	19.042.400.000	18.455.000.000	18.455.000.000
Dài hạn	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Các khoản đầu tư khác	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	19.042.400.000	19.042.400.000	21.455.000.000	21.455.000.000

5.2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty liên kết	221.440.533.736	-	221.440.533.736	-
Công ty Cổ phần Bình Hiệp (i)	178.876.209.810	-	178.876.209.810	-
Công ty CP Cấp thoát nước Long An	42.564.323.926	-	42.564.323.926	-
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào (ii)	-	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	113.039.690.000	-	113.039.690.000	-
Tổng Công ty Đầu tư Nước và môi trường	5.130.600.000	-	5.130.600.000	5.130.600.000
Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế	107.909.090.000	107.909.090.000	107.909.090.000	107.909.090.000
Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận (iii)	-	-	-	28.207.062.000
Cộng	334.480.223.736	-	334.480.223.736	141.246.752.000
				5.130.600.000
				141.246.752.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Thông tin bổ sung cho các khoản đầu tư vào đơn vị khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Số lượng CP	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ lợi ích
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Bình Hiệp	3.990.000	49,88%	39,26%	
Công ty CP Cấp thoát nước Long An	3.027.440	24,82%	19,54%	
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào		43,42%	31,54%	31,54%
Đầu tư vào đơn vị khác				
Tổng Công ty Đầu tư Nước và MT Việt Nam - CTCP	503.000	0,87%	0,87%	0,87%
Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế	10.790.909	12,32%	12,32%	12,32%

(i) Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai đã thực hiện chuyển nhượng 3.990.000 cổ phần tương ứng 49,88% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bình Hiệp cho Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP theo hợp đồng chuyển nhượng ký ngày 22/05/2017, nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐQT ngày 22/05/2017 và Báo cáo kết quả thực hiện giao dịch chuyển nhượng được Hội đồng quản trị phê duyệt ngày 20/07/2017.

(ii) Tại thời điểm 30/06/2017, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào đã ngừng hoạt động và không còn khả năng thanh toán. Giá trị của khoản đầu tư này được ghi nhận bằng 0 dựa trên các yếu tố rủi ro.

(iii) Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận là Công ty liên kết của Công ty CP Bình Hiệp. Tại 30/06/2017, các mục tài sản, nợ phải trả của Công ty CP Bình Hiệp không được cộng vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty CP Nhựa Đồng Nai do đã thoái vốn thành Công ty liên kết.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác hiện đang được sử dụng để thế chấp, bảo lãnh cho các hợp đồng vay ngắn hạn như sau:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Đồng Nai		
Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	4.469.750	4.469.750
Tổng Công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP	323.000	323.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.3 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khách hàng

5.3.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	2.236.317.729	(2.236.317.729)	2.236.317.729	(2.236.317.729)
Phải thu các khách hàng khác				
Công ty CP Xây dựng số 5	21.401.610.384	(14.981.127.269)	21.401.610.384	(10.700.805.192)
Công Ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	20.290.380.000			
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.028.539.480		10.237.810.020	
Công ty CP Sông Đà 12	10.452.613.946		10.452.613.946	
Công ty CP Xây dựng Trường Xuân	13.669.584.683		13.919.630.417	
Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng	9.596.621.555		1.979.637.257	
Các khách hàng khác	262.006.204.346	(24.977.655.757)	256.966.290.945	(20.272.730.910)
Cộng	342.681.872.123	(42.195.100.755)	317.193.910.698	(33.209.853.831)

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn, dài hạn

5.4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước các bên liên quan				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	858.746.635	(858.746.635)	858.746.635	(858.746.635)
Trả trước các khách hàng khác				
Taizhou Huangyan Huida Plastic Machinery Co.,Ltd	2.729.566.768		11.712.637.275	
New Quantum Holdings	3.758.191.653			
Taizhou Huangyan Yongmao Mould Co.,LTD	3.344.018.877			
Các đối tượng khác	35.956.645.535	(27.500.000)	38.888.927.970	(27.500.000)
Cộng	46.647.169.468	(886.246.635)	51.460.311.880	(886.246.635)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.5 Phải thu về cho vay

5.5.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	610.000.000	(610.000.000)	610.000.000	(610.000.000)
Các tổ chức khác	18.237.314.606		31.687.314.606	
Cộng	18.847.314.606	(610.000.000)	32.297.314.606	(610.000.000)

5.6 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào - Tiền lãi cho vay	152.404.445	(152.404.445)	152.404.445	(152.404.445)
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào - Tiền tạm ứng vốn	1.637.500.000	(1.637.500.000)	1.637.500.000	(1.637.500.000)
Phải thu các đối tượng khác				
Ký quỹ, ký cược	429.554.827	-	9.270.370.632	-
Phải thu về chuyển nhượng vốn	167.164.500.000			
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn, phải thu lãi cho vay	1.265.640.702		649.750.061	
Tiền tạm ứng cho CBNV	8.871.147.399	-	8.051.260.519	-
Phải thu khác	977.531.073	-	1.042.945.538	-
Cộng	180.498.278.446	(1.789.904.445)	20.804.231.195	(1.789.904.445)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	9.824.883.477		9.052.609.888	
Thuế GTGT của TSCĐ thuế tài chính	6.909.440.793		4.724.996.354	
Phải thu khác	445.497.890		480.497.890	
Cộng	17.179.822.160	-	14.258.104.132	-

5.7 Nợ phải thu khó đòi

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	3.238.237.572	-	3.238.237.572	-
Công ty CP Xây dựng số 5	21.401.610.384	6.420.483.115	21.401.610.384	10.700.805.192
Công ty TNHH MTV Công trình giao thông công chánh	7.120.844.766	2.136.253.430	7.120.844.766	3.560.422.383
Các đối tượng khác	32.999.285.088	10.721.989.430	25.898.194.524	6.901.654.760
Cộng	64.759.977.810	19.278.725.975	57.658.887.246	21.162.882.335

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	4.958.481.782	-	4.496.629.450	-
Nguyên liệu, vật liệu	205.788.607.785	(35.017.997)	234.850.342.694	-
Công cụ, dụng cụ	3.864.885.574	-	5.433.068.205	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.970.333.895	(2.946.799.913)	9.893.061.803	(2.381.817.910)
Thành phẩm	48.014.702.536	(3.391.497.195)	38.387.372.648	-
Hàng hoá	14.458.872.938	-	11.024.997.232	-
Hàng gửi đi bán	5.177.915.617	-	3.651.238.443	-
Cộng	293.233.800.127	(6.373.315.105)	307.736.710.475	(2.381.817.910)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2017	405.226.500.526	397.047.537.464	772.633.853.794	3.809.261.281	99.315.158	1.578.816.468.223
Mua trong kỳ	9.481.344.874	72.766.703.092	1.737.664.209	198.411.000		84.184.123.175
Đầu tư XDCB hoàn thành	38.773.643.438	45.816.447.800				84.590.091.238
Mua lại TSCĐ TTC		17.535.295.680				17.535.295.680
Phân loại lại nhóm TS	(86.150.000)	86.150.000				-
Thanh lý, nhượng bán	(1.524.698.595)	(66.760.251.385)	(158.314.190)			(68.443.264.170)
Giảm do thoái vốn Công ty con	(28.207.703.860)	(24.005.519.825)	(43.039.949.749)	(89.675.911)		(95.342.849.345)
Số dư tại 30/06/2017	423.662.936.383	442.486.362.826	731.173.254.064	3.917.996.370	99.315.158	1.601.339.864.801
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2017	112.305.930.316	246.396.077.449	144.857.026.698	2.613.086.283	-	506.172.120.746
Khấu hao trong kỳ	12.686.420.689	20.591.112.089	14.955.790.345	238.288.162	9.931.518	48.481.542.803
Mua lại TSCĐ TTC		7.593.340.195				7.593.340.195
Phân loại lại nhóm TS	(9.620.083)	9.620.083				-
Thanh lý, nhượng bán	(812.916.318)	(6.068.787.397)	(158.314.190)			(7.040.017.905)
Giảm do thoái vốn Công ty con	(6.550.924.596)	(15.350.468.165)	(13.466.372.137)	(83.377.500)		(35.451.142.398)
Giảm khác		(35.678.572)				(35.678.572)
Số dư tại 30/06/2017	117.618.890.008	253.135.215.682	146.188.130.716	2.767.996.945	9.931.518	519.720.164.869
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2017	292.920.570.210	150.651.460.015	627.776.827.096	1.196.174.998	99.315.158	1.072.644.347.477
Số dư tại 30/06/2017	306.044.046.375	189.351.147.144	584.985.123.348	1.149.999.425	89.383.640	1.081.619.699.932

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 141.272.053.319 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuế tài chính

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tài, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2017		134.117.982.598	5.266.194.909			139.384.177.507
Thuế tài chính trong năm		68.173.832.311				68.173.832.311
Mua lại TSCĐ thuế tài chính		(17.437.388.060)				(17.437.388.060)
Số dư tại 30/06/2017	-	184.854.426.849	5.266.194.909	-	-	190.120.621.758
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2017		43.071.159.722	1.253.370.313			44.324.530.035
Khấu hao trong năm		14.348.475.686	658.274.361			15.006.750.047
Mua lại TSCĐ thuế tài chính		(7.593.340.195)				(7.593.340.195)
Giảm khác		35.678.572				35.678.572
Số dư tại 30/06/2017	-	49.861.973.785	1.911.644.674	-	-	51.773.618.459
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2017	-	91.046.822.876	4.012.824.596	-	-	95.059.647.472
Số dư tại 30/06/2017	-	134.992.453.064	3.354.550.235	-	-	138.347.003.299

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.11 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Quyền phát hành VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Chương trình phần mềm VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2017	33.997.845.218	-	-	279.000.000	-	34.276.845.218
Giảm do thoái vốn Công ty con	(1.986.500.000)					(1.986.500.000)
Số dư tại 30/06/2017	32.011.345.218	-	-	279.000.000	-	32.290.345.218
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2017	3.997.924.988	-	-	279.000.000	-	4.276.924.988
Khấu hao trong năm Thanh lý, nhượng bán	323.267.490	-	-	-	-	323.267.490
Số dư tại 30/06/2017	4.321.192.478	-	-	279.000.000	-	4.600.192.478
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2017	29.999.920.230	-	-	-	-	29.999.920.230
Số dư tại 30/06/2017	27.690.152.740	-	-	-	-	27.690.152.740

Giá trị tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 279.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2017 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm VND	Kết chuyển giảm khác VND	30/06/2017 VND
Mua sắm TSCĐ	37.539.457.800	29.288.086.446	48.653.030.105	2.548.652.683	15.625.861.458
Máy móc, thiết bị sản xuất nhựa nhập mua chưa nghiệm thu	37.539.457.800	29.288.086.446	48.653.030.105	2.548.652.683	15.625.861.458
Xây dựng cơ bản	30.041.716.437	43.894.761.320	37.310.142.347	368.229.138	36.258.106.272
Công trình trạm điện		1.587.000.000	1.587.000.000	-	-
Hệ thống làm mát xường bao bì		76.130.000	76.130.000	-	-
Sửa chữa WC xường PVC		21.206.000		21.206.000	-
Nhà xường tại Chi nhánh Bắc Ninh	27.389.074.975	6.525.395.222	33.914.470.197	-	-
Xây dựng nhà xường Bắc Ninh GD 2		2.084.817.272		-	2.084.817.272
Sửa chữa tại Nhà máy Long An	910.228.650	822.313.500	1.732.542.150	-	-
Nhà kho Long An - giai đoạn 2	4.072.706			4.072.706	-
Nhà máy nước Long An	1.358.046.478	10.726.005.738		324.026	12.083.728.190
Nhà máy nước Tiên Giang	42.120.313				42.120.313
Nhà máy nước Bắc Giang		17.259.650.772			17.259.650.772
Các Công trình khác	338.173.315	4.632.578.183		182.961.773	4.787.789.725
Sửa chữa lớn TSCĐ		159.664.633		159.664.633	-
	67.581.174.237	73.182.847.766	85.963.172.452	2.916.881.821	51.883.967.730

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.13 Chi phí trả trước

5.13.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.263.835.208	1.987.386.437
Chi phí sửa chữa tài sản	1.040.774.093	
Các khoản khác	4.632.612.712	1.068.063.189
Cộng	8.937.222.013	3.055.449.626

5.13.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	10.364.582.651	5.766.159.945
Chi phí sửa chữa tài sản	1.846.780.071	339.519.241
Chi phí quản lý trái phiếu	42.929.293	
Chi phí phát hành trái phiếu		805.555.556
Các khoản khác	2.410.422.531	2.395.159.940
Cộng	14.664.714.546	9.306.394.682

5.14 Lợi thế thương mại

	6 tháng năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi thế thương mại đầu năm	186.589.645.386	23.437.253.135
Lợi thế thương mại tăng trong kỳ		174.749.181.017
Điều chỉnh giảm	(19.531.044.279)	
Phân bổ lợi thế thương mại	(10.039.528.670)	(11.596.788.766)
Số dư cuối kỳ	157.019.072.437	186.589.645.386

Chi tiết số dư cuối kỳ

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Lợi thế thương mại khi mua Công ty CP Bình Hiệp		20.833.113.898
Lợi thế thương mại khi mua Công ty CP Nhựa Tân Phú	52.404.426.710	55.487.040.046
Lợi thế thương mại khi mua Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm	104.614.645.727	110.269.491.442
Cộng	157.019.072.437	186.589.645.386

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.15 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn

5.15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Sabic Asia Pacific Pte Ltd	13.876.490.130	13.876.490.130	13.074.909.740	13.074.909.740
Taizhou Huangyan		-	10.167.963.600	10.167.963.600
VINMAR INTERNATIONAL,	3.492.985.729	3.492.985.729	2.889.431.265	2.889.431.265
TOSHIBA MACHINE S. E.	10.580.668.125	10.580.668.125		
Scg Plastics Co., Ltd	2.952.518.375	2.952.518.375		
YAMAZAKI MAZAK	2.732.004.450	2.732.004.450		
Itochu Corporation	2.209.968.050	2.209.968.050	3.126.252.250	3.126.252.250
Công ty TNHH Hóa Chất AGC Việt Nam	2.333.100.000	2.333.100.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	32.365.050.716	32.365.050.716	40.263.618.585	40.263.618.585
Cộng	70.542.785.575	70.542.785.575	69.522.175.440	69.522.175.440

5.16 Người mua trả tiền trước ngắn hạn, dài hạn

5.16.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thoát nước đô thị TPHCM	4.057.979.128	4.057.979.128		-
BQL Khai Thác Cung Cấp Nước Sinh Hoạt Huyện Châu Thành - Bến Tre	681.099.722	681.099.722	494.649.992	494.649.992
Công ty TNHH Phú Nông	837.827.969	837.827.969		-
Các khách hàng khác	1.906.983.972	1.906.983.972	7.417.610.642	7.417.610.642
Cộng	7.483.890.791	7.483.890.791	7.912.260.634	7.912.260.634

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.17 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số phải thu tại 01/01/2017 VND	Số phải nộp tại 01/01/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Ảnh hưởng do thoái vốn	Số phải thu tại 30/06/2017 VND	Số phải nộp tại 30/06/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	2.028.769.466	32.640.840.191	33.532.970.978	(546.990.835)	-	1.683.629.514
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	14.745.960.550	15.294.884.725	-	548.924.175	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	55.721.285	147.321.685	140.375.005	-	-	62.667.965
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	4.933.585.009	3.911.795.266	12.337.967.334	4.352.980.219	142.548.504	891.821.209	7.712.470.077
Thuế thu nhập cá nhân	5.636.776	874.903.194	2.221.512.516	2.386.000.433	74.936.515	-	629.841.986
Thuế tài nguyên	-	41.628.780	159.491.880	176.286.920	3.074.000	-	21.759.740
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	880.803.136	880.803.136	-	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	54.561.896	-	26.500.000	26.500.000	-	54.561.896	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	16.500.000	16.500.000	-	-	-
Cộng	4.993.783.681	6.912.817.991	63.176.897.292	56.807.301.416	(326.431.816)	1.495.307.280	10.110.369.282

(*) Số dư phải thu tại ngày 30/06/2017 là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nợ thừa của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.18 Chi phí phải trả

5.18.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.910.571.766	3.217.169.926
Chi phí hoa hồng môi giới	308.819.149	1.685.913.522
Trích trước lương tháng 13	1.942.226.818	
Cước vận chuyển	1.353.526.778	203.310.909
Chi phí khác	1.601.949.110	1.437.562.050
Cộng	<u>8.117.093.621</u>	<u>6.543.956.407</u>

5.19 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.19.1 Phải trả ngắn hạn khác

	<u>30/06/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.560.809.839	1.560.809.839	1.354.157.893	1.354.157.893
Bảo hiểm xã hội	902.053.782	902.053.782	371.016.902	371.016.902
Bảo hiểm y tế	134.659.878	134.659.878	60.926.845	60.926.845
Bảo hiểm thất nghiệp	79.694.555	79.694.555	40.120.901	40.120.901
Cổ tức phải trả	572.486.700	572.486.700	367.513.140	367.513.140
Phải trả về chuyển nhượng cổ phần	122.312.342.000	122.312.342.000		-
Lãi vay phải trả	601.729.000	601.729.000	1.200.000.000	1.200.000.000
Thuế GTGT hàng nhập	509.919.627	509.919.627		-
Khấu đã kê khai chưa hạch toán				
Phải trả khác	1.245.954.696	1.245.954.696	5.806.562.025	5.806.562.025
Cộng	<u>127.919.650.077</u>	<u>127.919.650.077</u>	<u>9.200.297.706</u>	<u>9.200.297.706</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.19.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sacom <i>	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Các cá nhân khác <ii>	37.273.090.000	37.273.090.000	37.273.090.000	37.273.090.000
Đặt cọc làm khuôn sản xuất	1.678.729.025	1.678.729.025	1.708.729.025	1.708.729.025
Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang <iii>	207.535.018.544	207.535.018.544	207.535.018.544	207.535.018.544
Cổ tức phải trả	15.400.500	15.400.500	15.400.500	15.400.500
Các khoản phải trả khác	136.672.210	136.672.210	136.672.210	136.672.210
Cộng	316.638.910.279	316.638.910.279	316.668.910.279	316.668.910.279

- (i) Khoản vốn nhận hợp tác đầu tư mua cổ phần phát hành cho cổ đông chiến lược trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 08/2016/HĐ-DNP ngày 25/11/2016. Thời gian hợp tác đầu tư không quá 06 năm kể từ ngày ký hợp đồng.
- (ii) Khoản vốn nhận hợp tác đầu tư theo các hợp đồng hợp tác đầu tư với các cá nhân ngày 28/10/2016. Thời gian hợp tác đầu tư không quá 06 năm kể từ ngày ký hợp đồng.
- (iii) Khoản lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam gồm các khoản lãi vay chưa trả đến 31/12/2015 được gia hạn trả dần đến năm 2028 theo hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 06/2015/HĐSDBS – NHPT ngày 31/12/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị		Tăng		Giảm	
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
5.20	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn					
5.20.1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn					
1> Vay ngắn hạn						
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	673.654.662.323	673.654.662.323	836.985.725.600	833.193.205.604	669.862.142.327	669.862.142.327
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú	397.943.445.288	397.943.445.288	489.887.653.837	598.700.688.136	506.756.479.587	506.756.479.587
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	216.832.947.685	216.832.947.685	236.554.945.232	143.636.660.255	123.914.662.708	123.914.662.708
Tại Công ty CP Đầu tư Hạ tầng nước DNP Bắc Giang	42.901.828.888	42.901.828.888	93.235.646.069	89.524.817.213	39.191.000.032	39.191.000.032
	24.000.000	24.000.000	27.035.000	3.035.000	-	-
Tại Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP	15.952.440.462	15.952.440.462	17.280.445.462	1.328.005.000	-	-
2> Vay dài hạn đến hạn trả						
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	58.686.696.136	58.686.696.136	29.747.577.387	27.999.444.373	56.938.563.122	56.938.563.122
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú	23.718.411.275	23.718.411.275	23.132.287.078	527.472.665	1.113.596.862	1.113.596.862
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	11.555.386.260	11.555.386.260	3.753.903.130	6.023.483.130	13.824.966.260	13.824.966.260
Tại Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm	2.861.387.179	2.861.387.179	2.861.387.179	-	-	-
	20.551.511.422	20.551.511.422	-	21.448.488.578	42.000.000.000	42.000.000.000
3> Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả						
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	35.662.700.783	35.662.700.783	22.499.938.613	11.915.867.422	25.078.629.592	25.078.629.592
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú	4.615.067.719	4.615.067.719	138.438.267	1.993.062.064	6.469.691.516	6.469.691.516
	31.047.633.064	31.047.633.064	22.361.500.346	9.922.805.358	18.608.938.076	18.608.938.076
Cộng	768.004.059.242	768.004.059.242	889.233.241.600	873.108.517.399	751.879.335.041	751.879.335.041

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Số dư vay ngắn hạn gồm các ngân hàng chủ yếu sau:

a> Vay ngắn hạn:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngân hàng SINOPAC - CN HCM	38.222.542.505	23.883.585.815
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ - CN HCM	72.222.574.385	-
Ngân hàng TMCP Công Thương KCN Biên Hòa	78.200.023.791	137.576.489.822
Ngân Hàng TMCP Phát Triển TP.HCM – CN SGD Đồng Nai	49.803.925.827	49.969.841.008
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Đồng Nai	62.962.497.770	66.394.572.243
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- CN Hà Thành	32.890.420.940	62.802.812.967
Ngân Hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - CN Đồng Nai	49.804.470.006	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- CN HCM	110.574.428.244	95.117.870.660
Ngân hàng BPCEIOM Chi nhánh Tp.HCM	32.672.504.255	15.890.270.417
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Nam	41.331.660.892	35.469.854.000
Các đối tượng khác	104.969.613.708	182.756.845.395
Cộng	673.654.662.323	669.862.142.327

b> Vay dài hạn đến hạn trả

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - CN TPHCM	8.433.315.159	76.984.866
Ngân hàng SINO PAC TP.HCM	14.135.540.783	-
VietinBank - Chi nhánh 12	4.797.900.000	5.523.480.000
Shinhanbank - Chi nhánh Hà Nội	3.669.486.260	3.669.486.260
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- CN HCM	3.088.000.000	4.632.000.000
Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	20.551.511.422	42.000.000.000
Các đối tượng khác	4.010.942.512	1.036.611.996
Cộng	58.686.696.136	56.938.563.122

c> Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TPHCM	12.455.700.572	6.554.470.610
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Chailease	8.538.167.818	8.146.012.285
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	5.076.793.946	5.860.844.650
Công ty CTTC TNHH MTV NH TMCP Công Thương Việt Nam -	260.029.647	480.529.647
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	9.332.008.800	4.036.772.400
Cộng	35.662.700.783	25.078.629.592

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.20.2 Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	30/06/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1> Vay dài hạn	580.192.360.265	580.192.360.265	35.978.354.303	34.865.808.860	579.079.814.822	579.079.814.822
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	27.480.972.668	27.480.972.668	32.818.354.303	25.254.268.551	19.916.886.916	19.916.886.916
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú	25.264.644.868	25.264.644.868	3.160.000.000	5.743.903.130	27.848.547.998	27.848.547.998
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	6.668.750.000	6.668.750.000		3.867.637.179	10.536.387.179	10.536.387.179
Tại Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm	520.777.992.729	520.777.992.729			520.777.992.729	520.777.992.729
	-	-				
2> Nợ thuế tài chính	74.528.453.968	74.528.453.968	100.119.641.474	90.014.143.262	64.422.955.756	64.422.955.756
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	8.268.589.662	8.268.589.662	139.583.139	1.894.182.441	10.023.188.964	10.023.188.964
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú	66.259.864.306	66.259.864.306	99.980.058.335	88.119.960.821	54.399.766.792	54.399.766.792
3> Trái phiếu	198.936.111.111	198.936.111.111	99.575.000.000	638.888.889	100.000.000.000	100.000.000.000
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	198.936.111.111	198.936.111.111	99.575.000.000	638.888.889	100.000.000.000	100.000.000.000
Cộng	853.656.925.344	853.656.925.344	235.672.995.777	125.518.841.011	743.502.770.578	743.502.770.578

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Số dư các khoản vay và nợ dài hạn gồm các ngân hàng chủ yếu sau:**a> Vay dài hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - CN TPHCM	13.920.151.940	692.863.794
Ngân hàng SINO PAC TP.HCM	11.382.952.055	16.735.738.447
VietinBank - Chi nhánh 12	-	1.919.160.000
Shinhanbank - Chi nhánh Hà Nội	6.421.600.927	8.256.344.057
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- CN HCM	6.933.043.941	6.933.043.941
Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	520.777.992.729	520.777.992.729
Các đối tượng khác	20.756.618.673	23.764.671.854
Cộng	580.192.360.265	579.079.814.822

b> Nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TPHCM	25.381.831.405	9.578.120.372
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Chailease	9.758.372.405	10.805.290.900
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	8.940.823.093	10.907.128.719
Công ty CTTC TNHH MTV NH TMCP Công Thương Việt Nam -	27.024.880	84.024.880
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	30.420.402.185	33.048.390.885
Cộng	74.528.453.968	64.422.955.756

Trái phiếu tại Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

1. Trái phiếu thường phát hành cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Biên Hòa và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Dịch vụ khách hàng đặc biệt để bổ sung vốn lưu động, tái cơ cấu các khoản nợ.

Thông tin chi tiết về trái phiếu này như sau:

Thời điểm phát hành	: 25/05/2016.
Kỳ hạn gốc	: 36 tháng
Kỳ hạn còn lại	: 23 tháng
Số lượng trái phiếu phát hành	: 100 trái phiếu
Mệnh giá	: 1.000.000.000 VND
Lãi suất	: 7,4% /năm đầu tiên, từ năm thứ 2 bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng cộng 3,5%.
Thời hạn thanh toán	: Trả gốc 1 lần đáo hạn hoặc vào ngày mua lại trái phiếu trước hạn
Tài sản bảo đảm	: Trái phiếu được bảo đảm bằng máy móc thiết bị và công trình tại 02 nhà máy nước của Công ty CP Bình Hiệp, lô đất A6 – A7, p. Xuân An, Phan Thiết, Bình Thuận thuộc sở hữu của Công ty CP Bình Hiệp và dây chuyền sản xuất ống nhựa HDPE của Công ty CP Nhựa Đồng Nai.

Chi phí phát hành trái phiếu là 1.000.000.000 đồng. Giá trị chi phí phát hành trái phiếu còn lại chưa phân bổ tại thời điểm 30/06/2017 là 638.888.889 đồng được điều chỉnh giảm vào mệnh giá trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

2. Trái phiếu thường phát hành cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động, tái cơ cấu các khoản nợ.

Thông tin chi tiết về trái phiếu này như sau:

Thời điểm phát hành	: 31/05/2017
Kỳ hạn gốc	: 18 tháng
Kỳ hạn còn lại	: 17 tháng
Số lượng trái phiếu phát hành	: 100 trái phiếu
Mệnh giá	: 1.000.000.000 VND
Lãi suất	: 8,5%/06 tháng (06 kì tính lãi) đầu tiên; Các kì tính lãi tiếp theo, lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng cộng 3,25%
Thời hạn thanh toán	: Trả gốc 1 lần đáo hạn hoặc vào ngày mua lại trái phiếu trước hạn
Tài sản bảo đảm	: A): Cổ phần Công ty Cổ phần Bình Hiệp thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP (DNP Water) với tổng giá trị theo mệnh giá tối thiểu là 30.338.320.000 đồng, tương ứng với số lượng cổ phần tối thiểu là 3.033.832 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) (B): Cổ phần Công ty Cổ phần Nhà Máy nước Đồng Tâm thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP (DNP Water) với tổng giá trị theo mệnh giá tối thiểu là 205.032.300.000 đồng, tương ứng với số lượng cổ phần tối thiểu là 2.050.323 cổ phần (mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần).
Chi phí phát hành	: 450.000.000 đồng

5.21 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**5.21.1 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<u>30/06/2017</u> VND	<u>01/01/2017</u> VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lợi nhuận chưa thực hiện		326.675.799
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	326.675.799

5.21.2 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>30/06/2017</u> VND	<u>01/01/2017</u> VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản đánh giá giá trị hợp lý tại thời điểm mua Công ty con	27.893.044.610	28.802.399.318
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.893.044.610	28.802.399.318

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.22 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.22.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND							
Số dư tại 01/01/2016	135.071.410.000	16.905.000.000	11.782.176.721	(342.000)	25.035.999.802	40.291.857.999	36.898.089.034	265.984.191.556	VND
Tăng vốn trong năm trước	110.961.780.000	12.250.000.000						123.211.780.000	
Lãi trong năm trước								96.427.496.564	
Tặng do mua Công ty con								78.521.003.974	
Tặng do điều chỉnh quyết toán thuế năm 2015								832.340.685	
Tặng khác									
Phân phối lợi nhuận						9.038.179		12.572.890	
Chênh lệch khi mua bổ sung cổ phiếu công ty con					2.020.774.833	(2.176.919.821)		(290.793.684)	
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	29.713.090.000		4.012.040.000			(4.758.558.965)		(4.758.558.965)	
Chia cổ phiếu thường	24.309.960.000					(33.725.130.000)			
Trả cổ tức 2015 bằng tiền					(24.309.960.000)				
Giảm khác									
Số dư tại 31/12/2016	300.056.240.000	29.155.000.000	15.794.216.721	(342.000)	2.746.814.635	86.136.965.208	120.820.763.014	554.709.657.578	VND

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.22.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu (tiếp)

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		LNST chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2017	300.056.240.000	-	29.155.000.000	15.794.216.721	(342.000)	2.746.814.635	86.136.965.208	120.820.763.014	554.709.657.578							
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	106.075.200.000	-	-	-	106.075.200.000	-	-	-
Lãi (lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	59.698.159.346	-	-	-	(194.131.420)	-	-	59.504.027.926
Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	399.680.959	-	-	-	150.487.716	-	-	550.168.675
Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	2.294.073.250	-	-	(2.294.073.250)	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(107.242.173)	-	-	-	(92.478.273)	-	-	(199.720.446)
Giảm do thoái vốn tại Bình Hiệp	-	-	-	(9.632.835.372)	-	(4.314.847.754)	-	-	22.430.849.068	-	-	-	(45.554.156.829)	-	-	(37.070.990.887)
Chuyển nhượng vốn Bình Hiệp cho DNPW	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.179.017.331)	-	-	-	1.179.017.331	-	-	-
Mua cổ phiếu TPP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(779.742.690)	-	-	(779.742.690)
Chia cổ tức	-	-	-	6.595.847.096	-	-	-	-	(6.593.791.606)	-	-	-	(3.088.068.000)	-	-	(3.088.068.000)
Chia cổ phiếu thưởng	-	-	-	-	-	-	-	-	26.704.844.334	-	-	-	(2.055.490)	-	-	(2.055.490)
Ảnh hưởng do thoái vốn Đồng Tâm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(26.704.844.334)	-	-	(26.704.844.334)
Số dư tại 30/06/2017	300.056.240.000	-	29.155.000.000	12.757.228.445	(342.000)	726.040.131	185.196.374.555	151.809.991.025	679.700.532.156	-	-	-	151.809.991.025	-	-	679.700.532.156

11.04.2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

5.22.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Lê Tuấn Điệp	56.890.000.000	18,96%	56.890.000.000	18,96%
Vũ Đình Đệ	29.382.890.000	9,79%	29.382.890.000	9,79%
Phạm Quốc Khánh	22.286.290.000	7,43%	22.286.290.000	7,43%
Hoàng Anh Tuấn	19.940.110.000	6,65%	19.940.110.000	6,65%
Công ty Cổ phần đầu tư VSD	16.995.930.000	5,66%	16.995.930.000	5,66%
Vũ Ngọc Tú	16.744.590.000	5,58%	16.744.590.000	5,58%
Các cổ đông khác	137.816.430.000	45,93%	137.816.430.000	45,93%
Cộng	300.056.240.000	100%	300.056.240.000	100%

5.22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	300.056.240.000	135.071.410.000
Vốn góp tăng trong năm	-	164.984.830.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	300.056.240.000	300.056.240.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
<i>Trong đó chia bằng cổ phiếu</i>		33.725.130.000

5.22.4 Cổ phiếu

	30/06/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.005.624	30.005.624
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.005.624	30.005.624
Cổ phiếu phổ thông	30.005.624	30.005.624
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	10	10
Cổ phiếu phổ thông	10	10
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.005.614	30.005.614
Cổ phiếu phổ thông	30.005.614	30.005.614
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	6 tháng năm 2017 VND	6 tháng năm 2016 VND
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	677.333.205.745	693.015.717.881
Cộng	677.333.205.745	693.015.717.881

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng năm 2017 VND	6 tháng năm 2016 VND
Chiết khấu thương mại	310.163.413	272.669.300
Giảm giá hàng bán	171.818.399	1.896.350
Hàng bán bị trả lại	686.027.710	972.571.462
Cộng	1.168.009.522	1.247.137.112

6.3 Giá vốn hàng bán

	6 tháng năm 2017 VND	6 tháng năm 2016 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	547.775.396.387	537.157.160.467
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.991.497.195	-
Cộng	551.766.893.582	537.157.160.467

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng năm 2017 VND	6 tháng năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.476.142.334	1.139.237.085
Lãi bán các khoản đầu tư	96.193.337.649	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	201.250.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.728.556.154	2.531.979.952
	100.398.036.137	3.872.467.037

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	6 tháng năm 2017 VND	6 tháng năm 2016 VND
Lãi tiền vay	54.081.283.309	22.423.825.104
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	21.823.117	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	3.991.280	595.032.391
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.075.663.923	526.035.105
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	412.090.052	1.255.610
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh và tổn thất đầu tư	(11.400.000)	(124.000.000)
Chi phí tài chính khác	687.866	702.331.981
Cộng	56.584.139.547	24.124.480.191

6.6 Chi phí bán hàng

	6 tháng năm 2017 VND	6 tháng năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	7.278.289.507	1.912.616.262
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.140.668.894	443.166.363
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.595.121.790	1.061.909.481
Chi phí bảo hành	-	305.223.105
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.364.849.122	12.819.715.574
Chi phí bằng tiền khác	3.434.213.353	4.911.072.423
Cộng	28.813.142.666	21.453.703.208

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng năm 2017 VND	6 tháng năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	29.148.572.302	17.725.845.967
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.903.478.854	1.072.775.201
Chi phí khấu hao TSCĐ	12.047.562.972	5.606.368.236
Thuế, phí và lệ phí	1.823.445.428	1.403.451.292
Chi phí dự phòng	8.985.246.924	10.228.880.819
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.993.778.350	4.519.834.427
Chi phí bằng tiền khác	7.606.261.690	12.798.616.230
Cộng	69.508.346.520	53.355.772.172

6.8 Thu nhập khác

	6 tháng năm 2017 VND	6 tháng năm 2016 VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	136.770.921	8.225.224.000
Các khoản khác	1.825.718.944	308.775.263
Cộng	1.962.489.865	8.533.999.263

6.9 Chi phí khác

	6 tháng năm 2017 VND	6 tháng năm 2016 VND
Các khoản bị phạt	98.803.121	342.107.981
Các khoản khác	611.627.341	522.377.557
Cộng	710.430.462	864.485.538

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

6.10 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	6 tháng năm 2017 VND	6 tháng năm 2016 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	11.235.377.071	3.823.268.053
Chi phí thuế TNDN hiện tại tại công ty con	1.102.590.263	9.643.108.435
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	12.337.967.334	13.466.376.488

6.11 Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	6 tháng năm 2017 VND	6 tháng năm 2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản đánh giá lại giá trị hợp lý của Công ty con tại thời điểm mua	(909.354.708)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ lợi nhuận chưa thực hiện năm trước	326.675.799	(2.014.517.643)
Do hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn Công ty con, Công ty liên kết		356.453.361
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(4.933.786)
Cộng	(582.678.909)	(1.662.998.068)

6.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng năm 2017 VND	6 tháng năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	59.698.159.346	44.235.973.201
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	59.698.159.346	44.235.973.201
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	30.005.614	13.507.131
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.990	3.275

6.13 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng năm 2017 VND	6 tháng năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	59.698.159.346	44.235.973.201
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	59.698.159.346	44.235.973.201
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	30.005.614	13.507.131
Cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành từ nguồn vốn CSH	7.501.175	5.402.305
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.592	2.339

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

6.14 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng năm 2017 VND	6 tháng năm 2016 VND
Chi phí nhân công	80.799.760.650	51.434.095.175
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	420.284.942.200	428.466.916.728
Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.756.884.783	28.761.968.039
Thuế, phí, lệ phí	1.823.445.428	1.406.451.292
Chi phí dự phòng	8.988.246.924	10.531.103.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	2.747.198.601	69.994.914.345
Cộng	578.400.478.586	590.595.449.503

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	6 tháng năm 2017 VND	6 tháng năm 2016 VND
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	65.261.120.006	14.588.839.825

7.2 Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền gửi thanh toán ký quỹ để mở các thư tín dụng và đảm bảo các hợp đồng thuê tài chính	13.525.345.925	2.802.758.550
Trong đó:		
USD	204.336	117.536

7.3 Tiền thu từ đi vay

	6 tháng năm 2017 VND	6 tháng năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.007.169.037.512	863.372.844.598

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

7.4 Tiền trả nợ gốc vay

	6 tháng năm 2017 VND	6 tháng năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	918.420.911.171	689.748.765.446

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, chủ yếu bằng VND, và ngoài ra, bằng Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Cho vay

Công ty có các khoản cho các đơn vị thành viên Tập đoàn và một số đơn vị ngoài vay nhằm đầu tư mở rộng cũng như đảm bảo vốn lưu động trong kinh doanh. Công ty luôn bám sát tình hình hoạt động của các đơn vị này đảm bảo khả năng thu hồi các khoản cho vay.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Tại ngày 30/06/2017				
Vay và nợ	768.004.059.242	853.656.925.344		1.621.660.984.586
Phải trả người bán	70.542.785.575			70.542.785.575
Chi phí phải trả	8.117.093.621			8.117.093.621
Phải trả khác	127.919.650.077	316.638.910.279	-	444.558.560.356
Cộng	974.583.588.515	1.170.295.835.623	-	2.144.879.424.138
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	751.879.335.041	743.502.770.578		1.495.382.105.619
Phải trả người bán	69.522.175.440			69.522.175.440
Chi phí phải trả	6.543.956.407			6.543.956.407
Phải trả khác	9.200.297.706	316.668.910.279	-	325.869.207.985
Cộng	837.145.764.594	1.060.171.680.857	-	1.897.317.445.451

Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	182.084.952.822		182.084.952.822	
Phải thu khách hàng	342.681.872.123	(42.195.100.755)	317.193.910.698	(33.209.853.831)
Phải thu về cho vay	18.847.314.606	(610.000.000)	32.297.314.606	(610.000.000)
Phải thu khác	197.678.100.606	(1.789.904.445)	35.062.335.327	(1.789.904.445)
Đầu tư tài chính	335.879.223.736	(220.400.000)	145.645.752.000	(231.800.000)
	1.077.171.463.893	(44.815.405.200)	685.037.736.346	(35.841.558.276)
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	1.621.660.984.586		1.621.660.984.586	
Phải trả người bán	70.542.785.575		70.542.785.575	
Chi phí phải trả	8.117.093.621		8.117.093.621	
Phải trả khác	444.558.560.356		444.558.560.356	
	2.144.879.424.138	-	2.144.879.424.138	-
			1.032.356.058.693	649.196.178.070
			1.621.660.984.586	1.495.382.105.619
			70.542.785.575	69.522.175.440
			8.117.093.621	6.543.956.407
			444.558.560.356	325.869.207.985
			2.144.879.424.138	1.897.317.445.451

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 và ngày 01 tháng 01 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trong yếu tố giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Việc ước tính giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được thực hiện như sau:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác cũng như các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.

Ngoài các khoản mục nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2017 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

9.2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Số tiền
	VND
Tiền lương, tiền thưởng của Ban điều hành gồm cả các thành viên HĐQT kiêm nhiệm	3.053.800.000

9.2 Thông tin về bộ phận

Tại thời điểm 30/06/2017, Công ty phân loại hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty thành viên gồm 2 ngành chính theo lĩnh vực kinh doanh:

- Ngành nhựa gồm kinh doanh ống, bao bì nilong và nhựa công nghiệp.
- Ngành nước – Sản xuất và kinh doanh nước sạch

Hoạt động kinh doanh của Công ty về mặt địa lý gồm:

- Hoạt động kinh doanh trong nước
- Hoạt động kinh doanh xuất khẩu

Công ty lập báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

9.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	6 tháng năm 2017			6 tháng năm 2016		
	Ngành nhựa	Ngành nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp	Ngành nhựa	Ngành nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	606.964.498.294	69.200.697.929	676.165.196.223	666.490.168.503	25.278.412.266	691.768.580.769
2. Khấu hao TSCĐ	34.765.899.710	29.045.660.630	63.811.560.340	25.804.838.659	3.229.263.700	29.034.102.359
3. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	96.073.267.268	28.325.035.373	124.398.302.641	142.556.393.935	12.055.026.367	154.611.420.302
4. Tài sản bộ phận	1.583.223.559.720	1.300.440.291.810	2.883.663.851.530	1.050.727.111.400	127.730.154.375	1.178.457.265.775
5. Tài sản không phân bổ						
Tổng tài sản			2.883.663.851.530			1.178.457.265.775
6. Nợ phải trả bộ phận	1.178.426.460.350	1.025.536.859.024	2.203.963.319.374	790.125.301.195	39.924.295.651	830.049.596.846
7. Nợ phải trả không phân bổ						
Tổng nợ phải trả			2.203.963.319.374			830.049.596.846

9.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	6 tháng năm 2017			6 tháng năm 2016		
	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	513.794.424.826	162.370.771.397	676.165.196.223	546.860.906.297	144.907.674.472	691.768.580.769
2. Tài sản bộ phận	2.780.441.776.836	103.222.074.694	2.883.663.851.530	1.083.141.492.240	95.315.773.535	1.178.457.265.775

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

9.3 Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016 đã được soát xét.

9.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 04/07/2017, Công ty đã thực hiện chốt danh sách cổ đông để chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:25 tương ứng 7.501.403 cổ phiếu và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:40 tương ứng 12.202.245 cổ phiếu với giá bán 10.000 đồng. Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng vào ngày 10/08/2017 tăng vốn lên 495.092.720.000 đồng trong đó chia cổ tức bằng cổ phiếu là 75.011.750.000 đồng và phát hành cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu là 120.024.730.000 đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Văn Hiếu
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 08 năm 2017

Hoàng Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu